TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2018
V/v "Ly hôn, giao con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Ông Trịnh Văn Đoan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- ***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên;

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, giao con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị A, sinh năm 1990;
- *Bị đơn*: Anh Tống Quảng T, sinh năm 1978;

Cùng nơi cư trú: Tổ 14, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2017, bản tự khai, quá trình giải quyết tại tòa án và tại phiên toà nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày:

Chị Lê Thị A và anh Tống Quảng T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2007; chị A và anh T trước khi về chung sống có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 97, cấp ngày 17/12/2008, sau khi kết hôn thì chị A và anh T cùng nhau sinh sống tại ấp

H, xã T, huyện B(nay là huyện H), tỉnh Bình Phước; quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, kiếm cớ gây chuyện đánh đập chị A nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Nay chị A xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị làm đơn ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Tống Thị Ánh T, sinh năm: 2008 và Tống Gia B, sinh năm: 2010, nay ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; hiện tại chị A làm công nhân cho Công ty FREEWELL(VIỆT NAM) thu nhập ổn định 7.500.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung gì; vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/01/2018 và biên bản gửi tòa án ngày 07/5/2018 bị đơn anh Tống Quảng T trình bày:

Anh Tống Quảng T và Chị Lê Thị A tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2007; chị A và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B(nay là huyện H), tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 97, cấp ngày 17/12/2008, sau khi kết hôn thì chị A và anh T cùng nhau sinh sống tại ấp H, xã T, huyện B(nay là huyện H), tỉnh Bình Phước; quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ anh nghi nghờ anh có quan hệ với người khác bên ngoài nên anh có đánh chị A nên từ đó vợ chồng thường xuyên cải vã nhau; hiện nay vợ chồng đã ly thân nhau. Nay chị A yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm không còn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Tống Thị Ánh T, sinh năm: 2008 và Tống Gia B, sinh năm: 2010, nay ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung anh T cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung gì; vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự và các thành phần tham gia tố tụng khác đúng theo quy định và đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng; bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa, xác định tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh T mâu thuẫn trầm trọng thể hiện anh, chị đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, việc này được các đương sự xác nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A cho chị A ly hôn với anh T.

Về con chung: xét thấy nguyên vọng của con chung chưa thành niên đều có nguyện vọng được ở với chị A; chị A cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và cũng được anh T đồng ý nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung Tống Thị Ánh T, sinh năm: 2008 và Tống Gia B, sinh năm: 2010 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: chị A không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tống Quảng T, anh T có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên toà hôm nay anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tống Quảng T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị A và anh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B(nay là huyện H), tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại điều 9 và điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị A xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, giao con chung.

Quá trình lấy lời khai tại Tòa án anh T cũng xác nhận anh và chị A mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, thường xuyên cải vã nhau nên đã có thời gian ly thân nhau dài, không còn ai quan tâm đến nhau nữa nên chị A yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn; mặt khác, quá trình Tòa án triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh T không có mặt để hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh T yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử xác định tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Tống Thị Ánh T, sinh năm: 2008 và Tống Gia B, sinh năm: 2010, nay ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và được anh T đồng ý, cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung; tại phiên tòa chị A xác nhận chị làm công nhân thu nhập ổn định 7.500.000 đồng/ tháng cũng phù hợp với bảng lương chị A cung cấp cho Tòa án, đủ điều kiện để chị A chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung nên cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6 Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị A về hôn nhân và con chung:

1. Chị Lê Thị A ly hôn với anh Tống Quảng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 97, *cấp ngày 17/12/2008, do Ủy ban nhân dân*

xã T, huyện B(nay là huyện H), tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao 02 con chung tên Tống Thị Ánh T, sinh năm: 2008 và Tống Gia B, sinh năm: 2010 cho chị Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tống Quảng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

2. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét;

4. Về án phí: Chị Lê Thị A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012437 ngày 29/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5 . Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKSND H. H;*
- *Chi cục THADS H. H;*
- *Đương sự;*
- *Lưu: VT, HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học